

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TỪ HỒ GỌI ĐI KÈM TIỂU TỪ TÌNH THÁI CUỐI PHÁT NGÔN TRONG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỆ TĨNH

HOÀNG THUYẾT HÀ
(NCS, Đại học Vinh)

1. Xứ Nghệ là một vùng văn hoá từ trước đến nay được nhiều học giả quan tâm và cũng đã có những khám phá có giá trị ở các phương diện khác nhau. Khảo cứu ở phương diện ngôn ngữ, chúng tôi gặp số lượng tiểu từ tình thái khá phong phú với tần số xuất hiện thường xuyên trong giao tiếp của người Nghệ Tĩnh. Thuộc lĩnh vực này có hiện tượng người Nghệ Tĩnh thường sử dụng từ hô gọi đi kèm tiểu từ tình thái ở cuối phát ngôn trong giao tiếp.

2. Về tiểu từ tình thái cuối phát ngôn

Các tiểu từ tình thái cuối phát ngôn tiếng Việt là một trong những phương tiện quan trọng để thực tại hoá câu (cùng với trật từ và ngữ điệu), biến nội dung mệnh đề dưới dạng nguyên liệu, tiềm năng trở thành một phát ngôn có công dụng giao tiếp trong tình huống nhất định, mang đến cho câu nói cái phẩm chất là công cụ giao tiếp, công cụ tương tác xã hội. Đây là những thông tin có tác dụng làm chính xác hơn cấu trúc ngữ nghĩa của câu và kiểu hành vi ngôn ngữ mà câu nói thể hiện.

Tiểu từ tình thái có các đặc điểm sau:

Thứ nhất là không mang nghĩa từ vựng cũng không mang nghĩa ngữ pháp mà chỉ mang nghĩa tình thái - biểu thị cảm xúc, thái độ, sự đánh giá của người nói đối với nội dung thông báo và quan hệ của nội dung thông báo đối với hiện thực, cho biết hiện thực đó là có thật hay không có thật, là tiềm năng hay đã xảy ra, là giả định ước muốn, đồng tình hay nghi vấn, phủ định hay bác bỏ khi tham gia trong hành chức.

Thứ hai là không sử dụng độc lập để trả lời cho câu hỏi.

Thứ ba là trong câu có thể lược bỏ mà không làm thay đổi nội dung mệnh đề (nội dung miêu tả) nhưng sự có mặt của chúng đã tạo nên sắc thái nghĩa khác nhau cho phát ngôn.

Qua thống kê chúng tôi gặp 43 tiểu từ tình thái xuất hiện trong giao tiếp của người Nghệ Tĩnh, gồm:

- 8 tiểu từ tình thái cuối phát ngôn trùng với từ toàn dân là *a, à, ạ, chắc, đi, hử, mà, thôi*.

- 16 tiểu từ tình thái cuối phát ngôn chỉ có ở tiếng Nghệ Tĩnh, trong đó được xem là biến âm của từ toàn dân gồm có 5 từ: *á (à), chừ (chứ), chơ (chứ), đạ (đã), há (hả)*; được xem là biến âm của tiểu từ tình thái ở tiếng Nghệ Tĩnh gồm có 11 từ: *coông (cung), đạ (na), đơng (đưng), hê (hê), hẹ (hệ), hị (hệ), nư (na), nơ (na), nờ (nà), nở (nả), nợ (nạ)*.

- 19 tiểu từ tình thái tiếng Nghệ Tĩnh là: *cung, đưng, ha, hây, hây, háy, hây, hê, hê, hứ, mô, na, nà, nả, nạ, nha, tẹ, thê, vơ*.

3. Về từ hô gọi

Từ hô gọi là toàn bộ những đơn vị từ vựng được dùng để người nói gọi người giao tiếp với mình (người nghe - ngôi thứ hai), nó là một bộ phận thuộc từ xưng hô - là từ dùng để tự xưng (ngôi thứ nhất), để gọi người đối thoại (ngôi thứ hai), để trở người hay sự vật nói tới (ngôi thứ ba). Theo Nguyễn Thị Trung Thành, "Khái niệm từ xưng hô có nội hàm rộng hơn khái niệm đại từ xưng hô. Từ xưng hô trong tiếng Việt gồm có các loại sau:

- Đại từ xưng hô

- Danh từ chỉ quan hệ họ hàng dùng để xưng hô.

- Danh từ chỉ chức danh, nghề nghiệp dùng để xưng hô [3, tr. 2].

Người Nghệ Tĩnh thường sử dụng các nhóm từ hô gọi sau:

- Các đại từ dùng với chức năng hô gọi là từ được người nói dùng để gọi người giao tiếp với mình (người nghe) như: *mi (mày), bây (chúng mày)*...

- Những từ thuộc nhóm danh từ chỉ quan hệ họ hàng (hay còn gọi là nhóm

danh từ chỉ quan hệ thân tộc) như: *ông, bà, bố, mẹ, bác, o (cô), chú, cụ (cậu), dì, anh, chị, em, con...*

- Nhóm danh từ chỉ chức danh, nghề nghiệp như: *xếp, giám đốc, hiệu trưởng, trưởng phòng, thầy, cô...*

- Danh từ tên riêng như: *Lan, Hồng, Bình...*

3. Hiện tượng sử dụng từ hô gọi đi kèm tiểu từ tình thái ở cuối phát ngôn

Từ hô gọi đi kèm tiểu từ tình thái cuối phát ngôn có nghĩa là đứng bên cạnh tiểu từ tình thái cuối phát ngôn có sự xuất hiện của từ hô gọi tương ứng với người nghe (ngôi thứ hai).

a. Tần số xuất hiện và ý nghĩa

Khi xem xét từ hô gọi trong hành động ngôn ngữ, cụ thể là khảo sát 1550 tham thoại có xuất hiện tiểu từ tình thái cuối phát ngôn thuộc 7 hành động ngôn ngữ khác nhau, chúng tôi thống kê được tần số xuất hiện của hiện tượng này như sau (bảng 1):

Bảng 1. Từ hô gọi đi kèm tiểu từ tình thái trong một số hành động ngôn ngữ

TT	HĐNT có THG đi kèm TTTT	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %
1	Cảm ơn	103	14,8
2	Xin lỗi	112	16,0
3	Chúc mừng	90	12,9
4	Cầu khiến	71	10,2

5	Mời	108	15,5
6	Rủ rê	94	13,5
7	Dặn dò	119	17,1
Tổng		697	100

Qua bảng, chúng ta có thể khẳng định hiện tượng từ hô gọi đi kèm tiểu từ tình thái xuất hiện khá phổ biến trong các hành động ngôn ngữ khác nhau của người Nghệ Tĩnh.

Vai trò của hiện tượng này biểu hiện rõ trong các cách thức xuất hiện của nó. Khi nghiên cứu các hành động có xuất hiện tiểu từ tình thái đi kèm với từ hô gọi chúng tôi phát hiện ra hai cách khá phổ biến đó là từ hô gọi xuất hiện trước tiểu từ

Bảng 2. Tần số hai cách thức từ hô gọi xuất hiện trước và sau tiểu từ tình thái

TT	Hành động ngôn ngữ	Từ hô gọi xuất hiện trước		Từ hô gọi xuất hiện trước sau	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Cảm ơn	68	16,8	35	12,0
2	Xin lỗi	70	17,3	42	14,4
3	Chúc mừng	46	11,4	44	15,1
4	Cầu khiến	37	9,1	34	11,6
5	Mời	61	15,1	47	16,1
6	Rủ rê	48	11,9	46	15,7
7	Dặn dò	75	18,4	44	15,1
Tổng		405	100	292	100

tình thái và từ hô gọi xuất hiện sau tiểu từ tình thái.

b. Vị trí và vai trò của từ hô gọi khi xuất hiện trước và sau tiểu từ tình thái trong phát ngôn

Khảo sát, thống kê 7 hành động ngôn ngữ trung cảm ơn, xin lỗi, chúc mừng, cầu khiến, mời, rủ rê, dặn dò, chúng tôi có được tần số vị trí xuất hiện của từ hô gọi trước và sau tiểu từ tình thái, như sau (bảng 2):

(4) *Mi chờ tau, Liên hây?* (Hành động cầu khiến)

(5) *Bữa ni ở ăn cơm với nhà con bữa (bữa), me hây* (Hành động mời)

(6) *Đi xem phim với tau Hoa mô!* (Hành động rủ rê)

(7) *Ở nhà nhớ đóng cửa cẩn thận con na!* (Hành động dặn dò)

Trong các hành động trên, đáng chú ý hơn là hành động cầu khiến khi có từ hô gọi xuất hiện trước tiểu từ tình thái thì nó thể hiện thái độ năn nỉ, tha thiết hơn khi chỉ xuất hiện tiểu từ tình thái. Đặc biệt là trong những trường hợp sử dụng *mô*, *na* ở các ví dụ (2), (6), (7), khi thêm từ hô gọi trước người nói đã làm giảm bớt tính áp đặt, trịch thượng, thể hiện sự tôn trọng người nghe hơn.

b2. Xuất hiện sau

Khi vị trí từ hô gọi xuất hiện sau tiểu từ tình thái thì trọng tâm nhấn mạnh, gây sự chú ý sẽ rơi vào tiểu từ tình thái hơn là từ hô gọi. Lúc này người nói chú trọng vào nội dung lời nói, và nhắc người nghe (người được hô gọi) lưu ý đến nội dung lời nói.

Ví dụ:

(8) *Cho anh cảm ơn nha Thành!* (Hành động cảm ơn)

(9) *Thôi thì anh xin lỗi hây em!* (Hành động xin lỗi)

(10) *Chúc mau khỏe hây em!* (Hành động chúc mừng)

(11) *Mua cho em với nha anh!* (Hành động cầu khiến)

(12) *Vô nhà chú chơi hây bác!* (Hành động mời)

(13) *Dừ đi ăn sáng với anh nha em!* (Hành động rủ rê)

(14) *Nhớ chiều lùa tru (trâu) ra đồng tì nha Tú!* (Hành động dặn dò)

5. Tóm lại, tiểu từ tình thái khi liên kết với từ hô gọi đã rất có hiệu quả trong việc thể hiện nghĩa tình thái. Hiện tượng xuất hiện từ hô gọi kết hợp với tiểu từ tình thái cuối phát ngôn có ý nghĩa nhấn mạnh lưu ý hơn với người nghe về lời nói mà người nói đưa ra đồng thời thể hiện thái độ quan tâm, trân trọng, tình cảm thân mật dành cho người nghe, tạo cho câu nói mềm mại có đầu có đuôi và lịch sự. Hiện tượng sử dụng từ hô gọi đi kèm tiểu từ trong hành động ngôn ngữ trung và các cách thức đi kèm của chúng, đã cho thấy, người Nghệ Tĩnh trong nói năng đã rất chú ý vận dụng mối quan hệ của tiểu từ tình thái với từ hô gọi để thể hiện một cách có hiệu quả, triệt để tính tình thái của lời nói.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đông, Nguyễn Văn Hiệp, *Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học*, Ngôn ngữ, 2003, số 7 (tr. 17-27), số 8 (tr.56-66).

2. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

3. Nguyễn Thị Trung Thành, *Cần phân biệt từ xưng hô với đại từ xưng hô*, *Ngôn ngữ & Đời sống*, 2007, số 3 (tr.1-3).

4. Viện Ngôn ngữ, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2000.